

Số: 15/NQ-HĐND

Võ Nhai, ngày 11 tháng 8 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về việc phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 xã Võ Nhai

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ VÕ NHAİ
KHÓA I, KỲ HỌP THỨ HAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 49/2024/TT-BTC ngày 16/7/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2025, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2025-2027;

Căn cứ Thông tư số 88/2024/TT-BTC ngày 24/12/2024 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND tỉnh Thái Nguyên về việc phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND ngày 14/7/2025 quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phân trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Thái Nguyên năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 30/7/2025 của HĐND tỉnh về việc phân bổ dự toán ngân sách Nhà nước năm 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Xét Tờ trình số 32/TTr-UBND ngày 28/7/2025 của Ủy ban nhân dân xã Võ Nhai về việc phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 xã Võ Nhai; Báo cáo thẩm tra của các Ban kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 xã Võ Nhai như sau:

1. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 16.797 triệu đồng (bằng chữ: Mười sáu tỷ, bảy trăm chín mươi bảy triệu đồng)

Trong đó: - Thu tiền sử dụng đất: 1.350 triệu đồng
 - Thu thường xuyên (trừ tiền đất): 15.447 triệu đồng

2. Tổng thu ngân sách xã năm 2025: 134.210.409.286 đồng (bằng chữ: Một trăm ba mươi bốn tỷ, hai trăm mười triệu, bốn trăm không chín nghìn, hai trăm tám mươi sáu đồng)

Trong đó: - Thu ngân sách tỉnh bổ sung cân đối: 15.643.000.000 đồng
 - Thu ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu: 118.114.000.000 đồng
 - Thu chuyển nguồn CCTL: 453.409.286 đồng

3. Tổng chi ngân sách xã năm 2025: 134.210.409.286 đồng (bằng chữ: Một trăm ba mươi bốn tỷ, hai trăm mười triệu, bốn trăm không chín nghìn, hai trăm tám mươi sáu đồng)

Trong đó: - Chi đầu tư phát triển: 6.538.000.000 đồng
 - Chi thường xuyên: 126.910.000.000 đồng
 - Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương: 453.409.286 đồng
 - Dự phòng ngân sách: 309.000.000 đồng

(Chi tiết có phụ biểu kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện dự toán ngân sách xã năm 2025 theo đúng quy định của pháp luật và Nghị quyết Hội đồng nhân dân xã.

Đối với các khoản dự toán chi của NSDP đã được Hội đồng nhân dân quyết định chưa phân bổ chi tiết: Các cơ quan, đơn vị, ngân sách cấp dưới lập dự toán và thuyết minh chi tiết gửi các cơ quan có liên quan ở địa phương xem xét, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân xã phân bổ, giao dự toán chi đảm bảo kịp thời, tiết kiệm, hiệu quả, tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Định kỳ, Ủy ban nhân dân báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã, các đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Võ Nhai khóa I, Kỳ họp thứ hai thông qua ngày 11 tháng 8 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh (Báo cáo);
- Ủy ban nhân dân tỉnh (Báo cáo);
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- Ủy ban MTTQ xã;
- Các đại biểu HĐND xã;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể xã;
- Trang thông tin điện tử xã;
- LĐVP xã;
- Lưu: VT.

Vạn

CHỦ TỊCH



Bùi Thị Sen

Biểu mẫu số 15

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 11/8/2025 của HĐND xã Võ Nhai)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ghi chú
A	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	134 210 409 286	
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp		
	Thu NSDP hưởng 100%		
	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia		
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	133 757 000 000	
	Bổ sung cân đối	15 643 000 000	
	Bổ sung có mục tiêu	118 114 000 000	
III	Thu chuyển nguồn CCTL từ năm trước sang	453 409 286	
IV	Thu viện trợ, ủng hộ, đóng góp		
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	134 210 409 286	
I	Tổng chi cân đối NSDP	134 210 409 286	
1	Chi đầu tư phát triển	6 538 000 000	
2	Chi thường xuyên	126 910 000 000	
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay		
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính		
5	Dự phòng ngân sách	309 000 000	
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	453 409 286	
II	Chi các chương trình mục tiêu		
	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia		
	Chi các chương trình mục tiêu nhiệm vụ		
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau		
II	Chi từ nguồn viện trợ, huy động, đóng góp		
C	BỘI CHI NSDP		

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025*(Kèm theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 11/8/2025 của HĐND xã Võ Nhai)*

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025	Thực hiện đến 30/6/2025	Số còn lại thực hiện 6 tháng cuối năm 2025
	Tổng thu NSNN trên địa bàn	16,797	17,987	(1,190)
I	Tổng thu loại đất	15,447	12,172	3,275
1	Thu DNNN địa phương	250	99	151
2	Thuế từ khu vực kinh tế NQD	3,279	2,925	354
3	Lệ phí Trước Bạ	2,777	2,048	729
4	Thuế SDĐPNN	135	21	114
5	Thuế TNCN	1,620	828	792
6	Phí, lệ phí	1,320	880	440
7	Thu khác NS	4,180	5,012	(832)
8	Thu tiền cấp quyền KTKS	-	1	(1)
9	Thu tiền thuê đất	1,886	358	1,528
II	Thu tiền sử dụng đất	1,350	5,815	(4,465)

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 XÃ VÕ NHAI
(Kèm theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 11/8/2025 của HĐND xã Võ Nhai)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung chi	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Thực hiện đến 30/6/2025	Số còn lại thực hiện 6 tháng cuối năm 2025
	Tổng chi ngân sách địa phương	133,757,000,000	60,304,510,567	73,452,489,433
A	Chi cân đối ngân sách	133,448,000,000	60,261,396,567	73,186,603,433
I	Chi đầu tư phát triển	6,538,000,000	1,466,356,175	5,071,643,825
1	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	3,502,000,000	1,466,356,175	2,035,643,825
2	Chi đầu tư từ nguồn vốn trong nước	3,036,000,000		3,036,000,000
3	Ghi chi từ tiền thuê đất			
II	Chi thường xuyên	126,910,000,000	58,795,040,392	68,114,959,608
1	Chi sự nghiệp kinh tế	963,000,000	388,312,360	574,687,640
2	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	101,341,000,000	45,400,725,436	55,940,274,564
	- Chi sự nghiệp giáo dục	98,876,000,000	43,993,700,804	54,882,299,196
	- Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề	2,465,000,000	1,407,024,632	1,057,975,368
3	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	96,000,000	94,000,000	2,000,000
4	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	66,000,000	57,280,960	8,719,040
5	Chi bảo đảm xã hội	258,000,000	152,830,980	105,169,020
6	Chi quản lý hành chính	20,800,000,000	10,720,629,216	10,079,370,784
7	Chi sự nghiệp môi trường, phí bảo vệ môi trường	382,000,000	176,253,406	205,746,594
8	Chi quốc phòng an ninh địa phương	3,004,000,000	1,805,008,034	1,198,991,966
B	Dự phòng ngân sách	309,000,000	43,114,000	265,886,000

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ XÃ VÕ NHAI NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 11/8/2025 của HĐND xã Võ Nhai)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán 2025	Trong đó:						Ghi chú
			Quản lý hành chính	Sự nghiệp GD đào tạo	Chi đảm bảo xã hội	SN môi trường	Chi SN KT	Chi Quốc phòng- An ninh	
	Tổng số	113,505	10,079	101,341	105	206	575	1,199	
I	Khôi quản lý Nhà nước	6,676	4,833	-	105	206	575	957	Giao dự toán 6 tháng cuối năm (Do đơn vị dự toán mới thành lập từ 01/7/2025)
1	Văn phòng HĐND và UBND	3,788	2,768	-	63	-	-	957	
	+ Kinh phí giao tự chủ	1,427	1,427						
	+ Kinh phí phụ cấp HĐND	270	270						
	+ Kinh phí phụ cấp các chức danh xóm	1,001	1,001						
	+ Kinh phí DQTV, Lực lượng ANCS	957						957	
	+ Trợ cấp hưu xã	63			63				
	+ Kinh phí duy trì trang thông tin điện tử của huyện	50	50						
	+ Kinh phí duy trì vận hành phần mềm phong hợp không giấy tờ	20	20						
2	Phòng Kinh tế	1,561	780	-	-	206	575	-	-
	+ Kinh phí giao tự chủ (Bao gồm lương, các khoản đóng góp theo lương, hoạt động)	780	780						
	+ Kinh phí quản lý hoạt động kinh tế tập thể	20					20		
	+ Kinh phí hoạt động công thương, xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm của xã	100					100		
	+ Kinh phí công tác phòng chống thiên tai	100					100		
	+ Kinh phí thực hiện công tác thủy lợi	30					30		
	+ Kinh phí thực hiện công tác nông, lâm nghiệp	30					30		
	+ Kinh phí quản lý đất đai (bao gồm: Thống kê đất đai, lập kế hoạch sử dụng đất, lập hồ sơ chính lý địa chính...)	295					295		

STT	Nội dung	Dự toán 2025	Trong đó:						Ghi chú
			Quản lý hành chính	Sự nghiệp GD đào tạo	Chi đảm bảo xã hội	SN môi trường	Chi SN KT	Chi Quốc phòng- An ninh	
	+ Thực hiện nhiệm vụ công tác bảo vệ môi trường	206				206			
3	Phòng Văn hóa và Xã hội	712	670	-	42	-	-	-	
	+ Kinh phí giao tự chủ	670	670						
	+ Chi đảm bảo xã hội	42			42				
4	Trung tâm phục vụ hành chính công	615	615	-	-	-	-	-	
	+ Kinh phí giao tự chủ	615	615						
II	Khối Đảng, đoàn thể	3,958	3,958	-	-	-	-	-	Giao dự toán 6 tháng cuối năm (Do đơn vị dự toán mới thành lập từ 01/7/2025)
1	Văn phòng Đảng ủy	2,766	2,766	-	-	-	-	-	
	+ Kinh phí tự chủ	1,455	1,455						
	+ Kinh phí phụ cấp các chức danh xóm	611	611						
	+ Kinh phí phụ cấp cấp ủy	300	300						
	+ Kinh phí đại hội Đảng	400	400						
2	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	1,192	1,192	-	-	-	-	-	-
	+ Kinh phí thực hiện tự chủ	670	670						
	+ Kinh phí phụ cấp các chức danh xóm	522	522						
III	Đơn vị sự nghiệp	86,273	-	86,273	-	-	-	-	Giao dự toán cả năm 2025
	Các đơn vị trường học	86,273		86,273					Chi tiết theo SNGD
IV	Phần còn lại phân bổ chi tiết sau	16,598	1,288	15,068				242	

TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO CÁC ĐƠN VỊ TRƯỜNG HỌC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 11/8/2025 của HĐND xã Võ Nhai)

DVT: Nghìn đồng

STT	Đơn vị	Lương, phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo lương	Quỹ tiền thưởng	Kinh phí HĐ giao khoán, hợp đồng ND 111/2022/NĐ-CP	KP dạy lớp ghép	Chi hoạt động thường xuyên năm 2025 (bao gồm chi hoạt động HĐ 111)	Kinh phí hoạt động điểm trường lẻ	Kinh phí hoạt động trường nội trú, bán trú	Chế độ chính sách	Kinh phí tham quan học tập theo Nghị định số 61/2006/NĐ-CP	Kinh phí mua bổ sung CSVC, thiết bị dạy học	Tổng dự toán chi NSNN năm 2025	Tổng số dự toán thu, cấp bù học phí năm 2025 của đơn vị	10% tiết kiệm chi thực hiện cải cách tiền lương	Kinh phí còn được NSNN cấp sau khi trừ tiết kiệm chi và dự toán thu, cấp bù học phí năm 2025
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
I	Khối Mầm non	18,783,492	938,293	1,015,202	0	1,735,000	120,000	0	540,866	0	0	23,132,853	288,225	173,500	22,671,128
1	MN Lâu Thượng	6,667,500	335,135	420,851		622,500	60,000		147,701			8,253,687	75,510	62,250	8,115,927
2	MN Liên Cơ	6,603,914	334,012	184,500		612,500	0		294,907			8,029,832	159,300	61,250	7,809,282
3	MN Phú Thượng	5,512,078	269,147	409,851		500,000	60,000		98,258			6,849,334	53,415	50,000	6,745,919
II	Khối Tiểu học	21,070,721	1,025,903	297,059	91,190	1,875,000	150,000	0	743,938	0	0	25,253,811	0	187,500	25,066,311
1	TH TT Đình Cả	6,070,544	302,281	111,441		528,000			184,198			7,196,465		52,800	7,143,665
2	TH Lâu Thượng	7,369,540	361,333	152,618		662,000	60,000		405,292			9,010,783		66,200	8,944,583
3	TH Phú Thượng	7,630,637	362,288	33,000	91,190	685,000	90,000		154,448			9,046,563		68,500	8,978,063
III	Khối THCS	22,716,751	1,143,024	1,427,646	0	1,949,000	0	85,000	11,318,309	126,000	200,000	38,965,730	235,510	194,900	38,535,320
1	THCS TT Đình Cả	4,720,840	256,146	275,880		468,000			168,821			5,889,687	107,730	46,800	5,735,157
2	THCS Lâu Thượng	5,187,802	277,093	141,762		442,000			332,240			6,380,897	74,340	44,200	6,262,357
3	THCS Phú Thượng	4,205,884	225,707	179,880		381,000			157,248			5,149,720	51,840	38,100	5,059,780
4	PTDT NT THCS Nguyễn Bình Khiêm	8,602,224	384,078	830,123		658,000		85,000	10,660,000	126,000	200,000	21,545,426	1,600	65,800	21,478,026
Tổng cộng		62,570,963	3,107,220	2,739,908	91,190	5,559,000	270,000	85,000	12,603,113	126,000	200,000	87,352,394	523,735	555,900	86,272,759